

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/5/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Ừm và bà Trần Thị Hoa Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/04/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số B L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số G N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Ngọc T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K vào ngày 09/01/2015. Vợ chồng chung sống lúc đầu đã không có hạnh phúc do anh T nhậu nhiều về đập phá đồ đạc trong nhà, hành hung và đánh đập chị H. Đến tháng 4 năm 2020, do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, chị H đã sống ly thân với anh T. Tuy đã sống ly thân, nhưng anh T vẫn đến phòng trọ nơi chị H ở để hành hung, lăng mạ và đánh đập chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, để ổn định cuộc sống

chị mong muốn Tòa án xét xử cho ly hôn anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Bảo L, sinh ngày 01/3/2018 và Lê Bảo N, sinh ngày 05/4/2020. Khi ly hôn chị có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Bị đơn anh Lê Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Ngọc T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án về việc tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K, nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H là có căn cứ.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Lê Bảo L, sinh ngày 01/3/2018 và Lê Bảo N, sinh ngày 05/4/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố K giải quyết ly hôn anh Lê Ngọc T có nơi cư trú tại số G N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Anh Lê Ngọc T đã được Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2), Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Ngọc T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Ngọc T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K. Chị H và anh T đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Ngọc T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cũng không có hạnh phúc. Theo chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nhậu nhiều về đập phá đồ đạc trong nhà, hành hung và đánh đập chị H. Đến tháng 4 năm 2020, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị H đã sống ly thân với anh T. Tuy đã sống ly thân, nhưng anh T vẫn đến phòng trọ nơi chị H ở để hành hung, lăng mạ và đánh đập chị. Chị H đã 03 lần gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn anh T, nhưng sau đó chị rút đơn về để cho anh T có cơ hội sửa chữa, nhưng anh T không thay đổi tính nết. Tòa án đã tiến hành xác minh, gia đình chị Nguyễn Thị Ngọc H cho biết chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Ngọc T chung sống không có hạnh phúc do anh T thường xuyên uống rượu về đánh đập chị H. Khi chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh T cũng đã có lời lẽ xúc phạm đến gia đình chị H. Vợ chồng chị H đã sống ly thân gần 04 năm nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị H và anh T đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật

hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị H có 02 con chung là Lê Bảo L, sinh ngày 01/3/2018 và Lê Bảo N, sinh ngày 05/4/2020. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi 02 con một tháng 2.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi sống ly thân đến nay cả 02 cháu đều sống chung với chị H. Theo chị H khai nghề nghiệp của chị H là giáo viên có công việc và thu nhập ổn định để nuôi dưỡng 02 con chung. Mặt khác anh T thường xuyên vắng mặt nơi cư trú; nguyện vọng của cháu Lê Bảo L là muốn ở với mẹ, còn cháu Lê Bảo N còn nhỏ nên vẫn cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để tạo điều kiện phát triển toàn diện cho các cháu về thể chất và tinh thần cần giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con một tháng 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong quá trình Tòa án giải quyết anh T vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến gì.

Luật hôn nhân và gia đình, quy định:

- Khoản 1 Điều 71: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”*;
- Khoản 1 Điều 81: *“Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã hoặc không thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan”*;
- Khoản 2 Điều 82: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*.

Căn cứ quy định luật viện dẫn trên, thì anh T và chị H cùng phải có nghĩa vụ, trách nhiệm chung trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét mức cấp dưỡng con chung chị H yêu cầu 2.000.000 đồng/1 tháng/ 02 con là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của hai cháu, nên cần chấp nhận.

Chị H yêu cầu thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy theo quy định của pháp luật nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình phát sinh kể từ thời điểm cha,

mẹ không sống chung với con hoặc sống chung với con, nhưng vi phạm về nghĩa vụ nuôi dưỡng con. Chị H chỉ yêu cầu thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Để tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, xét cần chấp nhận.

[2.3] .Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không đề cập.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

-Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

-Về con chung: Giao con chung Lê Bảo L, sinh ngày 01/3/2018 và Lê Bảo N, sinh ngày 05/4/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Lê Ngọc T chậm cấp dưỡng số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Lê Ngọc T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000345 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Ngọc T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3.Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/5/2025) chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP KonTum;
- UBND P. Quang Trung;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hương